

UBND HUYỆN L I
H I NG XÉT TUY N
VIÊN CH C GIÁO D C

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

A L i, ngày 01 tháng 6 n m 2017

DANH SÁCH NG I I U KI N VÀ TIÊU CHU N D TUY N
VIÊN CH C GIÁO D C N M 2017
Ch tiêu: 02 Giáo viên Ng v n

TT	H và tên		N m sinh		Dân t c thi u s	Quê quán	H kh u th ng trú	Trình	H ào t o	Chuyên ngành	i m TB HT	i m TB TN	i m PV	T ng i m	V n b ng, ch ng ch		Đi n u tiên	S T	Ghi chú
			Nam	N											Tin	Ngo i ng			
1	Lê Th Thu	Tâm		1989		Qu ng Bình	Qu ng Bình	Th.s	CQ	V nh c n c ngoài	81.6	91.0	95.5	363.6	B	B1		0964012426	HSP V n -S
2	Lê Tr n Tho i	Ngân		1991		Qu ng Bình	H ng Th ng	Th.s	CQ	Lý lu n v nh c	84.1	93.0	93.0	363.1	B	B1		01225520002	HSP V n
3	Phan Th	Thùy		1992		Phú Vang	Phú Vang	Th.s	CQ	LL và PP d y V n - Ti ng vi t	84.3	89.0	81.5	336.3	A	B1	Con TB	0942816880	HSP V n
4	Tr n Th	Nh n		1989		Phong i n	Phong i n	Th.s	CQ	Lý lu n v nh c	84.0	90.0	80.0	334.0	B	B1		0989735519	H V nh c, Nghi p v SP
5	Hoàng Th	Hi p		1994		Qu ng i n	Qu ng i n	H	CQ	SP Ng v n	80.9	80.9	86.0	333.8	B	C		0962619524	
6	Lê Th C m	Nhung		1991	x	H ng Trà	Th tr n	H	CQ	SP Ng v n	73.9	73.9	90.5	328.8	A	B	DTTS	0941888058	
7	Nguy n Th	Ngoi		1990	x	H ng Qu ng	Nhâm	H	CQ	V nh c	76.5	76.5	87.5	328.0	A	B	Con NTB	01668890731	Nghi p v SP
8	Tr n Th Th ng	Th o		1989		Qu ng i n	S n Th y	H	CQ	V nh c	72.7	72.7	91.0	327.4	A	B		0934919648	Nghi p v SP
9	Lê Th Thanh	Tâm		1989	x	H ng Qu ng	Th tr n	H	CQ	SP Ng v n	73.8	73.8	89.0	325.6	A	B	DTTS	0973424115	
10	Nguy n Th	Th o		1990	x	H ng Th ng	H ng Qu ng	H	CQ	SP Ng v n	72.8	72.8	89.0	323.6	A	B	DTTS	01698318292	
11	Võ Th	V n		1994		Qu ng Bình	Qu ng Bình	H	CQ	V nh c	75.4	75.4	86.0	322.8	B	B		0989630478	Nghi p v SP
12	Nguy n Th Ny	Ny		1991	x	H ng Lâm	H ng Lâm	H	CQ	SP Ng v n	76.1	76.1	82.5	317.2	B	C	DTTS	01659176454	
13	Tr n Th	Im		1990	x	H ng Qu ng	H ng Qu ng	H	CQ	SP Ng v n	75.7	75.7	81.5	314.4	B	C	DTTS	01687245311	
14	Lê Th Vi	Na		1992	x	H ng Kim	H ng Kim	H	CQ	SP Ng v n	74.1	74.1	83.0	314.2	B	B	DTTS	0962845291	

15	Hu nh Th Nh Ý		1994		H ng Th y	H ng Th y	H	CQ	SP Ng v n	81.5	81.5	72.0	307.0	B	B		0982492817	
16	Lê Th Liên		1988		Hà T nh	H ng Th ng	H	CQ	SP Ng v n	73.4	73.4	80.5	307.8	A	B	Con TB	0948727340	
17	H Th Nhô		1991	x	H ng Thái	A Ngo	H	CQ	SP Ng v n	72.9	72.9	80.5	306.8	A	B		01645102823	
18	Nguy n Th Thanh Xuân		1994		Qu ng Bình	Qu ng Bình	H	CQ	V nh c	72.9	72.9	76.0	297.8	B	B		0975078860	Nghi p v SP
19	Nguy n Th Vân Nhi		1994	x	H ng Lâm	H ng Lâm	H	CQ	SP Ng v n	74.2	74.2	72.0	292.4	B	C	DTTS	01699241099	
20	Nguy n Th p		1992	x	A Ngo	H ng B c	H	CQ	SP Ng v n	65.6	65.6	80.0	291.2	B	B		01688068017	
21	D ng Th M N ng		1988		Qu ng Bình	H ng Phong	H	CQ	V nh c	75.5	75.5	69.0	289.0	A	C		01244887979	Nghi p v SP
22	Ph m Th Th m		1994		Qu ng i n	A Roàng	H	CQ	SP Ng v n	76.3	76.3	65.0	282.6	B	B		0972674317	
23	H V n Hoàng	1993			TP Hu	TP Hu	H	CQ	V nh c	78.5	78.5	62.0	281.0	B	B		0978269101	Nghi p v SP
24	H V n Tý	1981		x	H ng Kim	H ng Kim	H	CQ	SP Ng v n	57.6	57.6	67.5	250.2	A	B	DTTS	0978024962	
25	Nguy n Th Ki u Oanh		1994		Phú Vang	Phú Vang	H	CQ	SP Ng v n	78.8	78.8	49.0	255.6	B	B		0120275984	
26	ng Th Nhung		1990		Qu ng i n	S n Th y	Th.s	CQ	V nh c VN	83.0	95.0	0.0	178.0	B	B		0905653077	H V nh c, Nghi p v SP
27	Nguy n Th M Loan		1993		Qu ng i n	Qu ng i n	H	CQ	SP Ng v n	84.6	84.6	0.0	169.2	B	B		0948396674	
28	Nguy n Anh Trúc		1991		H ng Th y	TP Hu	H	CQ	SP Ng v n	79.2	79.2	0.0	158.4	B	C		01638282061	
29	Nguy n Xuân Bình	1992			H ng Trà	H ng Trà	H	CQ	V nh c	68.8	68.8	0.0	137.6	A	B1		0973629447	Nghi p v SP

Danh sách g m 29 ng i./.